

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2023/HC-ST
Ngày: 27 - 9 - 2023
V/v: *Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hòa.

2. Ông Nguyễn Như Âm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 và 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 120/2023/TLST-HC về việc “Kiến quyết định, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2023/QĐST-HC ngày 28/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 137/2023/QĐST-HC ngày 14/9/2023, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn B; địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T; địa chỉ: Số F, tổ L, buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt).

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Văn C – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Võ Quang H – Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; địa chỉ: C H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện người khởi kiện trình bày:

Ngày 18/6/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban Quyết định số 4050/QĐ- về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (viết tắt Quyết định số 4050) đối với diện tích đất 1.503,2 m², thửa đất số 139, tờ bản đồ số 17, tại Thôn A, xã H, có nguồn gốc ông Nguyễn Văn B nhận chuyển nhượng một phần diện tích của bà Phạm Thị M, nhận hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê với Nông trường cà phê Việt Đức vào năm 1990 (nay là Công ty C1) sau khi nhận chuyển nhượng ông B canh tác, sử dụng, làm nhà trên đất. Đến ngày 05/12/2007, ông B và Công ty C1 ký Hợp đồng giao khoán đất sản xuất trồng cà phê thời hạn đến năm 2010, nhiều lần ông B liên hệ các cơ quan đề nghị ký hợp đồng, nhưng không có cơ quan nào yêu cầu ông B tiếp tục ký hợp đồng, nên ông B sử dụng đất ổn định cho đến nay không tranh chấp với ai. Sau khi nhận QĐ 4050 ông không đồng ý nên khiếu nại.

Ngày 12/05/2023, ông B nhận được Công văn số 1688/UBND-TTPTQĐ ngày 11/05/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B, về việc trả lời đơn của ông B (viết tắt CV số 1688) với nội dung không đồng ý với khiếu nại của ông B. Do đó, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Tuyên hủy một phần QĐ số 4050 kèm theo Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Thôn A, xã H, thành phố B, đối với hộ ông B và H1 Công văn 1688.

- Buộc U phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông B, gồm:

1. Chi phí đầu tư vào đất còn lại 10%. Vì diện tích canh tác ổn định từ năm 1990 thì phải bồi thường giá trị diện tích đất thu hồi theo theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

2. Hỗ trợ 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định khi sử dụng đất trước ngày 15/10/1993.

3. Hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

5. Hỗ trợ đời sống và sản xuất.

6. Hỗ trợ khác, là đưa cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có QĐ số 530 từ năm 2009 đến năm 2021 để tính toán bồi thường cho hộ gia đình ông B.

7. Giao 1 suất tái định cư cho ông B.

Theo quy định tại Mục 2 khoản 2 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 9 và Mục 2, 3 khoản 9 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 23 Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Điều 16, Điều 17, Điều 18 Quyết định số: 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và tại M và Mục 3, 4 của Công văn số: 10997/UBND-NNMT ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xin rút các yêu cầu: Hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; thay đổi từ hỗ trợ 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định xuống hỗ trợ 50% khi sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011.

**** Ý kiến trình bày tại bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố B; người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố B:***

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND, ngày 06/03/2008 của UBND tỉnh Đ, về việc thu hồi 27,809ha đất của Công ty C1 tại xã H, thành phố B giao cho thành phố B quản lý;

Ngày 29/8/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5041/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư T, xã H, thành phố B; Quyết định số 7105/QĐ-UBND, ngày 27/11/2018 của UBND thành phố B về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B; Quyết định số 2533/QĐ-UBND, ngày 08/04/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, tổng mức đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B.

Ngày 01/11/2019, UBND thành phố B tổ chức họp thông báo chủ trương, chính sách của Nhà nước khi triển khai dự án để các hộ dân trong phạm vi thu hồi được biết và đề nghị các hộ phối hợp trong công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B.

Ngày 19/3/2020, UBND xã H phối hợp với UBNDTTQ xã H, BTQ thôn 1 xã H, chủ đầu tư và Trung tâm Phát triển Quỹ đất tổ chức đối thoại, vận động, thuyết phục

các hộ dân phối hợp thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi.

Ngày 26/03/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố công khai Phương án số 87/PA-TTPTQĐ về việc hỗ trợ tài sản trên diện tích đất thu hồi thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B cho hộ ông Nguyễn Văn B, đồng thời niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã H và Hội trường thôn A, xã H thời gian 20 ngày.

Ngày 16/4/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố kết hợp với UBND xã, UBMTTQVN xã H tổng hợp ý kiến phản hồi của người dân.

Thực hiện khoản 2 Điều 17 của Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Đ. Ngày 27/4/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp UBND xã H tổ chức họp giải thích, đối thoại với các trường hợp còn có ý kiến không đồng ý và thực hiện rà soát, hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo ý kiến đúng của người có đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi.

Ngày 18/6/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4050/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn B là đúng trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn B:

*** Nguồn gốc đất:**

Năm 2007, ông Nguyễn Văn B nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1) thời hạn hợp đồng 2010. Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý, trong đó có 10,1ha đất hiện nay UBND thành phố đang thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn A, xã H, thành phố B.

Diện tích thực tế hộ ông Nguyễn Văn B sử dụng là: 1.503,2m², diện tích đất thu hồi thực hiện dự án là 1.503,2m² đất trồng cây lâu năm.

*** Về đất:**

Căn cứ Khoản 2, Điều 82, Luật Đất đai 2013: *Đất được Nhà nước giao để quản lý.* Do đó, diện tích đất nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1) thu hồi không đủ điều kiện bồi thường về đất.

*** Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:**

Tại thời điểm năm 2008 UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty C1 thì thời hạn hợp đồng sử dụng đất vẫn còn giữa Công ty C1 với hộ ông Nguyễn Văn B (thời hạn sử dụng đất năm 2010). Tuy nhiên, sau khi có Quyết định thu hồi đất hộ ông Nguyễn Văn B vẫn sử dụng diện tích đất nhận khoán đến năm 2021 thì thời hạn hợp đồng sử dụng đất đã hết hạn, do đó hộ ông Nguyễn Văn B không đủ cơ sở xem xét bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại.

** Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:*

Căn cứ Điều 17 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ: *Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại các Điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống...*

Căn cứ khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP”: *Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.*

Tại thời điểm UBND tỉnh Đ thu hồi đất (năm 2008) của Công ty C1 thì thời hạn sử dụng đất vẫn còn (thời hạn sử dụng đất năm 2010). Tuy nhiên, sau thời hạn sử dụng đất năm 2010 hộ ông Nguyễn Văn B vẫn còn canh tác và sử dụng đến năm 2021 trên diện tích đất nhận khoán nhưng không có hợp đồng, do đó hộ ông Nguyễn Văn B không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Do đó, ông Nguyễn Văn B không đủ điều kiện hỗ trợ ổn định đời sống.

** Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:*

Căn cứ Điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ: *Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP trong trường hợp được bồi thường bằng tiền do không có đất để bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm...*

Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn B không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Căn cứ biên bản xác minh nghề nghiệp của UBND xã H ngày 21/6/2021). Do đó, ông Nguyễn Văn B không đủ cơ sở xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

** Về hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất:*

Căn cứ điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND “Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo Điểm a, b Khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất”.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn B không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Căn cứ biên bản xác minh nghề nghiệp của UBND xã H ngày

21/6/2021). Do đó, ông Nguyễn Văn B không được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất.

* Về tài sản nhà, vật kiến trúc và cây trồng:

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Luật đất đai 2013: Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì không được bồi thường.

Theo kết quả xác minh của UBND xã H tại Biên bản xác định thời điểm xây dựng ngày 22/01/2021 thì tài sản nhà, vật kiến trúc và cây trồng của hộ ông Nguyễn Văn B tạo lập sau ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý thì không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 của Luật tố tụng hành chính:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B:

- Hủy Công văn số 1688/UBND-TTPTQĐ ngày 11/05/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc trả lời đơn của công dân ông Nguyễn Văn B.

- Hủy một phần quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B đối với hộ ông Nguyễn Văn B. Buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phải phê duyệt bổ sung cho hộ ông B đối với các khoản: Hỗ trợ vật kiến trúc, cây trồng trên đất tạo lập sau ngày có Quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 của UBND tỉnh Đ, hỗ trợ tái định cư đối với hộ ông B.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông B đối với các khoản: Hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10%; hỗ trợ 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định khi sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011; hỗ trợ đời sống sản xuất.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông B về việc buộc UBND thành phố B hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, sự có mặt của các đương sự, về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính, thấy rằng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện của vụ án: Quyết định 4050 làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của hộ ông B, Công văn số 1688 có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ ông B và yêu cầu buộc người bị kiện phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung nên đều là đối tượng khởi kiện của vụ án theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 3 của luật tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 18/6/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4050, không đồng ý với Quyết định trên ngày 05/4/2023 ông B làm đơn kiến nghị gửi Chủ tịch UBND thành phố B. Đến ngày 11/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Công văn số 1688. Ngày 28/5/2023, ông B nộp đơn khởi kiện nên còn trong hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại các Điều 30; 32 và Điều 116 của Luật tố tụng Hành chính.

[1.3] Quan hệ tranh chấp được xác định là “Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

[1.4]. Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của người khởi kiện có mặt tại nhưng khi tuyên án có đơn xin vắng mặt, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại Điều 158 của Luật Tố tụng Hành chính.

[1.5] Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 4050 và Công văn số 1688. Thấy rằng: UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4050 và Chủ tịch Ủy ban hành Công Văn 1688 là đúng trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 66; Điều 69; Điều 204 Luật Đất đai 2013; Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc đất: Diện tích thực tế 1.503,2 m², thửa đất số 139, tờ bản đồ số 17, có nguồn gốc: Năm 2007, hộ ông B ký hợp đồng nhận giao khoán để sản xuất cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1), thời hạn hợp đồng

đến năm 2010. Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại cho UBND thành phố BMT quản lý, trong đó có diện tích đất ông B nhận khoán. Do đó, đất có nguồn gốc rõ ràng.

[2.2] *Xét yêu cầu hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất*, thấy rằng: Gia đình ông B sử dụng đất giao khoán theo hợp đồng giao khoán năm 2007. Thời hạn hợp đồng đến năm 2010. Ngày 06/03/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số thu hồi đất số 530, trong đó có diện tích đất hộ ông B nhận khoán. Từ thời điểm có quyết định thu hồi đất đến khi ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 4050 (thời điểm năm 2021) thì hộ ông B vẫn đang sử dụng đất, thu hoa lợi, lợi tức mà không phải giao nộp sản lượng cho Công ty C1 nên các chi phí đầu tư còn lại vào đất đến khi hết hạn hợp đồng giao khoán 2010 vẫn bảo đảm, không thiệt hại. Do đó, ông B cho rằng gia đình chưa thu hồi hết các khoản chi phí đã đầu tư vào đất theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3] *Xét yêu cầu hỗ trợ 50% diện tích theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định (hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất) do sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011*, thấy rằng: Tại điểm 2 và điểm 3 khoản 9 Điều 1 của Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ quy định “2. Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai **mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này** thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất”

Tại khoản 3 lại quy định “3. Hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp đang sử dụng đất do nhận giao khoán tại thời điểm thu hồi đất mà đang hưởng lương hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp nhưng trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp thì được hỗ trợ bằng tiền như sau: 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định”.

Xét thấy: Hộ ông B sử dụng đất có nguồn gốc nhận giao khoán của Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1) từ năm 2007, có hợp đồng giao khoán, thời hạn hợp đồng đến năm 2010. Căn cứ biên bản xác minh nghề nghiệp của UBND xã H lập ngày 21/6/2021 thể hiện ông Nguyễn Văn B không trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Quá trình tham gia tố tụng, tại biên bản làm việc ngày 28/8/2023 người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện mặc dù đã được giải thích và yêu cầu cung cấp thông tin hộ ông B có bao nhiêu thành viên và các thành viên làm nghề nghiệp gì để có căn cứ xem xét yêu cầu của người khởi kiện nhưng hết thời hạn không

cung cấp, tài liệu chứng cứ hộ ông B có hay không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 hay khoản 3 Điều này. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của khởi kiện xác nhận ông B hiện đang là lãnh đạo tại một Công ty cà phê nhưng không cung cấp thông tin cụ thể. Hội đồng xét xử tạm dừng phiên Tòa để người khởi kiện cung cấp thông tin để xác định hộ ông B thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 hay khoản 3 nhưng hết thời hạn người khởi kiện không cung cấp nên được xem như từ bỏ quyền chứng minh. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu hỗ trợ 50% diện tích theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

[2.4] *Xét yêu cầu hỗ trợ đời sống sản xuất, thấy:* Tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định “2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây: b. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông trường, lâm trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất”. Do đó, hộ ông B đủ điều kiện được hỗ trợ đời sống sản xuất.

[2.5] *Đối với yêu cầu bồi thường các cây trồng gắn liền với đất tạo lập sau ngày có quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 UBND tỉnh Đ, thấy rằng:* Mặc dù, năm 2008 UBND tỉnh Đ ban hành quyết định thu hồi đất của Công ty C1 và giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch. Tuy nhiên, tại thời điểm này UBND thành phố B chưa phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Đến ngày 01/11/2019 thì UBND thành phố B mới tổ chức họp thông báo, chủ trương, chính sách của Nhà nước khi triển khai dự án để các hộ dân trong phạm vi thu hồi được biết và đề nghị các hộ phối hợp trong công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện dự án. Ngoài ra, Quyết định thu hồi đất, thông báo thu hồi đất U không chứng minh được Công ty C1 đã thông báo, tổng đạt đến hộ ông B dẫn đến hộ ông B không biết việc đất bị thu hồi mà vẫn canh tác, tạo lập tài sản trên đất. Quá trình sử dụng đất, hộ ông B cũng không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Do đó các tài sản trên đất mà hộ ông B tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất đến trước khi có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 4050 (thời điểm năm 2021) phải được bồi thường, hỗ trợ theo quy định, việc UBND thành phố B không lập phương án bồi thường, hỗ trợ các tài sản, cây trồng tạo lập trên đất cho hộ ông B là không đúng quy định theo khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013, không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông B. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu này.

[2.6]. *Đối với yêu cầu suất tái định cư, xét thấy:* Tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-CP ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi bổ

sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của UBND tỉnh Đ quy định về hỗ trợ tái định cư quy định “3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi thì được xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.”. Theo kết quả kiểm đếm hộ ông B xây nhà trên đất nhận khoán năm 2007 nhưng không bị cơ quan chức năng xử phạt, Công ty C1 không phản đối. Ngoài ra, theo kết quả xác minh của Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk và Ủy ban nhân dân xã H cung cấp thể hiện ngoài căn nhà trên đất đã bị thu hồi, trên địa bàn thành phố B hộ Nguyễn Văn B không có đất ở, nhà ở nào khác. Như vậy, hộ ông Nguyễn Văn B đủ điều kiện để được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.

[2.7] Xét yêu cầu hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án ông B không cung cấp tài liệu, chứng cứ các thành viên trong hộ gia đình ông B có bao nhiêu thành viên trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất bị thu hồi bị ảnh hưởng về việc làm khi bị Nhà nước thu hồi đất. Tại Biên bản làm việc ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã H và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B xác nhận ông Nguyễn Văn B không trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập khác nên không đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là phù hợp với quy định tại Điều 84 Luật đất đai 2013; điểm d khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 19; khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị Định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết luật đất đai. Tại phiên tòa đại diện người khởi kiện xin rút yêu cầu nên cần đình chỉ là phù hợp.

[2.8] Xét yêu cầu hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định, thấy rằng: Quá trình tố tụng người khởi kiện xin rút yêu cầu trên nên cần đình chỉ là phù hợp.

[3] Từ những nhận định và phân tích nêu trên. Cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B về việc hủy một phần Quyết định số 4050 và hủy Công văn số 1688. Buộc UBND TP. BMT phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho hộ ông B đối với các khoản: hỗ trợ đời sống sản xuất; bồi thường các tài sản, cây trồng gắn liền với đất được tạo lập sau ngày có quyết định thu hồi đất số 530; giao 01 thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.

Bác một phần yêu cầu đối với các khoản: Hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào

đất; hỗ trợ 50% diện tích theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B đối với các khoản: Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên ông B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Cần buộc UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 66; Điều 69; Điều 76; Điều 83; Điều 84; Điều 92; Điều 204 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ;

Áp dụng Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

- Hủy Công văn số: 1688/UBND-TTPTQĐ ngày 11/05/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc trả lời đơn của công dân ông Nguyễn Văn B.

- Hủy một phần quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B đối với hộ ông Nguyễn Văn B.

Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn Văn B đối với các khoản: hỗ trợ đời sống sản xuất; hỗ trợ, bồi thường các tài sản và cây trồng gắn liền với đất được tạo lập sau ngày có quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 UBND tỉnh Đ; giao 01 thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng

đất.

[2.2] Bác một phần yêu cầu của hộ ông Nguyễn Văn B đối với các khoản: Hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất; hỗ trợ 50% diện tích theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

[2.3]. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đối với yêu cầu hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[3]. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003767 ngày 26/6/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Buộc UBND thành phố B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm và Chủ tịch UBND thành phố B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2023/HC-ST
Ngày: 27 - 9 - 2023
V/v: *Kiến quyết định hành chính*
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hòa.

2. Ông Nguyễn Như Âm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Hoa –Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 và 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 120/2023/TLST-HC về việc “Kiến quyết định, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2023/QĐST-HC ngày 28/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 137/2023/QĐST-HC ngày 14/9/2023, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn B; địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T; địa chỉ: Số F, tổ L, buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt).

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Văn C – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Võ Quang H – Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; địa chỉ: C H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện người khởi kiện trình bày:

Ngày 18/6/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban Quyết định số 4050/QĐ- về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (viết tắt Quyết định số 4050) đối với diện tích đất 1.503,2 m², thửa đất số 139, tờ bản đồ số 17, tại Thôn A, xã H, có nguồn gốc ông Nguyễn Văn B nhận chuyển nhượng một phần diện tích của bà Phạm Thị M, nhận hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê với Nông trường cà phê Việt Đức vào năm 1990 (nay là Công ty C1) sau khi nhận chuyển nhượng ông B canh tác, sử dụng, làm nhà trên đất. Đến ngày 05/12/2007, ông B và Công ty C1 ký Hợp đồng giao khoán đất sản xuất trồng cà phê thời hạn đến năm 2010, nhiều lần ông B liên hệ các cơ quan đề nghị ký hợp đồng, nhưng không có cơ quan nào yêu cầu ông B tiếp tục ký hợp đồng, nên ông B sử dụng đất ổn định cho đến nay không tranh chấp với ai. Sau khi nhận QĐ 4050 ông không đồng ý nên khiếu nại.

Ngày 12/05/2023, ông B nhận được Công văn số 1688/UBND-TTPTQĐ ngày 11/05/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B, về việc trả lời đơn của ông B (viết tắt CV số 1688) với nội dung không đồng ý với khiếu nại của ông B. Do đó, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Tuyên hủy một phần QĐ số 4050 kèm theo Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Thôn A, xã H, thành phố B, đối với hộ ông B và H1 Công văn 1688.

- Buộc U phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông B, gồm:

1. Chi phí đầu tư vào đất còn lại 10%. Vì diện tích canh tác ổn định từ năm 1990 thì phải bồi thường giá trị diện tích đất thu hồi theo theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

2. Hỗ trợ 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định khi sử dụng đất trước ngày 15/10/1993.

3. Hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

5. Hỗ trợ đời sống và sản xuất.

6. Hỗ trợ khác, là đưa cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có QĐ số 530 từ năm 2009 đến năm 2021 để tính toán bồi thường cho hộ gia đình ông B.

7. Giao 1 suất tái định cư cho ông B.

Theo quy định tại Mục 2 khoản 2 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 9 và Mục 2, 3 khoản 9 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 23 Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Điều 16, Điều 17, Điều 18 Quyết định số: 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và tại M và Mục 3, 4 của Công văn số: 10997/UBND-NNMT ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xin rút các yêu cầu: Hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; thay đổi từ hỗ trợ 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định xuống hỗ trợ 50% khi sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011.

**** Ý kiến trình bày tại bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố B; người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố B:***

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND, ngày 06/03/2008 của UBND tỉnh Đ, về việc thu hồi 27,809ha đất của Công ty C1 tại xã H, thành phố B giao cho thành phố B quản lý;

Ngày 29/8/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5041/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư T, xã H, thành phố B; Quyết định số 7105/QĐ-UBND, ngày 27/11/2018 của UBND thành phố B về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B; Quyết định số 2533/QĐ-UBND, ngày 08/04/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, tổng mức đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B.

Ngày 01/11/2019, UBND thành phố B tổ chức họp thông báo chủ trương, chính sách của Nhà nước khi triển khai dự án để các hộ dân trong phạm vi thu hồi được biết và đề nghị các hộ phối hợp trong công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B.

Ngày 19/3/2020, UBND xã H phối hợp với UBNDTTQ xã H, BTQ thôn 1 xã H, chủ đầu tư và Trung tâm Phát triển Quỹ đất tổ chức đối thoại, vận động, thuyết phục các hộ dân phối hợp thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi.

Ngày 26/03/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố công khai Phương án số 87/PA-TTPTQĐ về việc hỗ trợ tài sản trên diện tích đất thu hồi thực hiện dự

án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B cho hộ ông Nguyễn Văn B, đồng thời niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã H và Hội trường thôn A, xã H thời gian 20 ngày.

Ngày 16/4/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố kết hợp với UBND xã, UBMTTQVN xã H tổng hợp ý kiến phản hồi của người dân.

Thực hiện khoản 2 Điều 17 của Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Đ. Ngày 27/4/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp UBND xã H tổ chức họp giải thích, đối thoại với các trường hợp còn có ý kiến không đồng ý và thực hiện rà soát, hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo ý kiến đúng của người có đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi.

Ngày 18/6/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4050/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn B là đúng trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn B:

*** Nguồn gốc đất:**

Năm 2007, ông Nguyễn Văn B nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1) thời hạn hợp đồng 2010. Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý, trong đó có 10,1ha đất hiện nay UBND thành phố đang thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn A, xã H, thành phố B.

Diện tích thực tế hộ ông Nguyễn Văn B sử dụng là: 1.503,2m², diện tích đất thu hồi thực hiện dự án là 1.503,2m² đất trồng cây lâu năm.

*** Về đất:**

Căn cứ Khoản 2, Điều 82, Luật Đất đai 2013: *Đất được Nhà nước giao để quản lý.* Do đó, diện tích đất nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1) thu hồi không đủ điều kiện bồi thường về đất.

*** Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:**

Tại thời điểm năm 2008 UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty C1 thì thời hạn hợp đồng sử dụng đất vẫn còn giữa Công ty C1 với hộ ông Nguyễn Văn B (thời hạn sử dụng đất năm 2010). Tuy nhiên, sau khi có Quyết định thu hồi đất hộ ông Nguyễn Văn B vẫn sử dụng diện tích đất nhận khoán đến năm 2021 thì thời hạn hợp đồng sử dụng đất đã hết hạn, do đó hộ ông Nguyễn Văn B không đủ cơ sở xem xét bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại.

*** Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:**

Căn cứ Điều 17 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ: *Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại các Điểm a, b, c*

và d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống...

Căn cứ khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP”: *Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.*

Tại thời điểm UBND tỉnh Đ thu hồi đất (năm 2008) của Công ty C1 thì thời hạn sử dụng đất vẫn còn (thời hạn sử dụng đất năm 2010). Tuy nhiên, sau thời hạn sử dụng đất năm 2010 hộ ông Nguyễn Văn B vẫn còn canh tác và sử dụng đến năm 2021 trên diện tích đất nhận khoán nhưng không có hợp đồng, do đó hộ ông Nguyễn Văn B không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Do đó, ông Nguyễn Văn B không đủ điều kiện hỗ trợ ổn định đời sống.

** Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:*

Căn cứ Điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ: *Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP trong trường hợp được bồi thường bằng tiền do không có đất để bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm...*

Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn B không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Căn cứ biên bản xác minh nghề nghiệp của UBND xã H ngày 21/6/2021). Do đó, ông Nguyễn Văn B không đủ cơ sở xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

** Về hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất:*

Căn cứ điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND “*Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo Điểm a, b Khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất*”.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn B không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Căn cứ biên bản xác minh nghề nghiệp của UBND xã H ngày 21/6/2021). Do đó, ông Nguyễn Văn B không được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất.

** Về tài sản nhà, vật kiến trúc và cây trồng:*

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Luật đất đai 2013: Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì không được bồi thường.

Theo kết quả xác minh của UBND xã H tại Biên bản xác định thời điểm xây dựng ngày 22/01/2021 thì tài sản nhà, vật kiến trúc và cây trồng của hộ ông Nguyễn Văn B tạo lập sau ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý thì không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 của Luật tố tụng hành chính:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B:

- Hủy Công văn số 1688/UBND-TTPTQĐ ngày 11/05/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc trả lời đơn của công dân ông Nguyễn Văn B.

- Hủy một phần quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B đối với hộ ông Nguyễn Văn B. Buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phải phê duyệt bổ sung cho hộ ông B đối với các khoản: Hỗ trợ vật kiến trúc, cây trồng trên đất tạo lập sau ngày có Quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 của UBND tỉnh Đ, hỗ trợ tái định cư đối với hộ ông B.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông B đối với các khoản: Hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10%; hỗ trợ 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định khi sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011; hỗ trợ đời sống sản xuất.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông B về việc buộc UBND thành phố B hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người

tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, sự có mặt của các đương sự, về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính, thấy rằng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện của vụ án: Quyết định 4050 làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của hộ ông B, Công văn số 1688 có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ ông B và yêu cầu buộc người bị kiện phải bản hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung nên đều là đối tượng khởi kiện của vụ án theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 3 của luật tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 18/6/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4050, không đồng ý với Quyết định trên ngày 05/4/2023 ông B làm đơn kiến nghị gửi Chủ tịch UBND thành phố B. Đến ngày 11/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Công văn số 1688. Ngày 28/5/2023, ông B nộp đơn khởi kiện nên còn trong hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại các Điều 30; 32 và Điều 116 của Luật tố tụng Hành chính.

[1.3] Quan hệ tranh chấp được xác định là “Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

[1.4]. Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của người khởi kiện có mặt tại nhưng khi tuyên án có đơn xin vắng mặt, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại Điều 158 của Luật Tố tụng Hành chính.

[1.5] Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 4050 và Công văn số 1688. Thấy rằng: UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4050 và Chủ tịch Ủy ban hành Công Văn 1688 là đúng trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 66; Điều 69; Điều 204 Luật Đất đai 2013; Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc đất: Diện tích thực tế 1.503,2 m², thửa đất số 139, tờ bản đồ số 17, có nguồn gốc: Năm 2007, hộ ông B ký hợp đồng nhận giao khoán để sản xuất cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1), thời hạn hợp đồng đến năm 2010. Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại cho UBND

thành phố BMT quản lý, trong đó có diện tích đất ông B nhận khoán. Do đó, đất có nguồn gốc rõ ràng.

[2.2] *Xét yêu cầu hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất*, thấy rằng: Gia đình ông B sử dụng đất giao khoán theo hợp đồng giao khoán năm 2007. Thời hạn hợp đồng đến năm 2010. Ngày 06/03/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số thu hồi đất số 530, trong đó có diện tích đất hộ ông B nhận khoán. Từ thời điểm có quyết định thu hồi đất đến khi ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 4050 (thời điểm năm 2021) thì hộ ông B vẫn đang sử dụng đất, thu hoa lợi, lợi tức mà không phải giao nộp sản lượng cho Công ty C1 nên các chi phí đầu tư còn lại vào đất đến khi hết hạn hợp đồng giao khoán 2010 vẫn bảo đảm, không thiệt hại. Do đó, ông B cho rằng gia đình chưa thu hồi hết các khoản chi phí đã đầu tư vào đất theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3] *Xét yêu cầu hỗ trợ 50% diện tích theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định (hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất) do sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011*, thấy rằng: Tại điểm 2 và điểm 3 khoản 9 Điều 1 của Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ quy định “2. Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai **mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này** thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất”

Tại khoản 3 lại quy định “3. Hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp đang sử dụng đất do nhận giao khoán tại thời điểm thu hồi đất mà đang hưởng lương hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp nhưng trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp thì được hỗ trợ bằng tiền như sau: 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định”.

Xét thấy: Hộ ông B sử dụng đất có nguồn gốc nhận giao khoán của Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1) từ năm 2007, có hợp đồng giao khoán, thời hạn hợp đồng đến năm 2010. Căn cứ biên bản xác minh nghề nghiệp của UBND xã H lập ngày 21/6/2021 thể hiện ông Nguyễn Văn B không trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Quá trình tham gia tố tụng, tại biên bản làm việc ngày 28/8/2023 người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện mặc dù đã được giải thích và yêu cầu cung cấp thông tin hộ ông B có bao nhiêu thành viên và các thành viên làm nghề nghiệp gì để có căn cứ xem xét yêu cầu của người khởi kiện nhưng hết thời hạn không cung cấp, tài liệu chứng cứ hộ ông B có hay không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 hay khoản 3 Điều này. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của

khởi kiện xác nhận ông B hiện đang là lãnh đạo tại một Công ty cà phê nhưng không cung cấp thông tin cụ thể. Hội đồng xét xử tạm dừng phiên Tòa để người khởi kiện cung cấp thông tin để xác định hộ ông B thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 hay khoản 3 nhưng hết thời hạn người khởi kiện không cung cấp nên được xem như từ bỏ quyền chứng minh. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu hỗ trợ 50% diện tích theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

[2.4] *Xét yêu cầu hỗ trợ đời sống sản xuất, thấy:* Tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định “2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây: b. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông trường, lâm trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất”. Do đó, hộ ông B đủ điều kiện được hỗ trợ đời sống sản xuất.

[2.5] *Đối với yêu cầu bồi thường các cây trồng gắn liền với đất tạo lập sau ngày có quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 UBND tỉnh Đ, thấy rằng:* Mặc dù, năm 2008 UBND tỉnh Đ ban hành quyết định thu hồi đất của Công ty C1 và giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch. Tuy nhiên, tại thời điểm này UBND thành phố B chưa phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Đến ngày 01/11/2019 thì UBND thành phố B mới tổ chức họp thông báo, chủ trương, chính sách của Nhà nước khi triển khai dự án để các hộ dân trong phạm vi thu hồi được biết và đề nghị các hộ phối hợp trong công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện dự án. Ngoài ra, Quyết định thu hồi đất, thông báo thu hồi đất U không chứng minh được Công ty C1 đã thông báo, tổng đạt đến hộ ông B dẫn đến hộ ông B không biết việc đất bị thu hồi mà vẫn canh tác, tạo lập tài sản trên đất. Quá trình sử dụng đất, hộ ông B cũng không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Do đó các tài sản trên đất mà hộ ông B tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất đến trước khi có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 4050 (thời điểm năm 2021) phải được bồi thường, hỗ trợ theo quy định, việc UBND thành phố B không lập phương án bồi thường, hỗ trợ các tài sản, cây trồng tạo lập trên đất cho hộ ông B là không đúng quy định theo khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013, không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông B. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu này.

[2.6]. *Đối với yêu cầu suất tái định cư, xét thấy:* Tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-CP ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của UBND tỉnh Đ quy định về hỗ

trợ tái định cư quy định “3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi thì được xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.”. Theo kết quả kiểm đếm hộ ông B xây nhà trên đất nhận khoán năm 2007 nhưng không bị cơ quan chức năng xử phạt, Công ty C1 không phản đối. Ngoài ra, theo kết quả xác minh của Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk và Ủy ban nhân dân xã H cung cấp thể hiện ngoài căn nhà trên đất đã bị thu hồi, trên địa bàn thành phố B hộ Nguyễn Văn B không có đất ở, nhà ở nào khác. Như vậy, hộ ông Nguyễn Văn B đủ điều kiện để được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.

[2.7] Xét yêu cầu hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án ông B không cung cấp tài liệu, chứng cứ các thành viên trong hộ gia đình ông B có bao nhiêu thành viên trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất bị thu hồi bị ảnh hưởng về việc làm khi bị Nhà nước thu hồi đất. Tại Biên bản làm việc ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã H và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B xác nhận ông Nguyễn Văn B không trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập khác nên không đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là phù hợp với quy định tại Điều 84 Luật đất đai 2013; điểm d khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 19; khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị Định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết luật đất đai. Tại phiên tòa đại diện người khởi kiện xin rút yêu cầu nên cần đình chỉ là phù hợp.

[2.8] Xét yêu cầu hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định, thấy rằng: Quá trình tố tụng người khởi kiện xin rút yêu cầu trên nên cần đình chỉ là phù hợp.

[3] Từ những nhận định và phân tích nêu trên. Cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B về việc hủy một phần Quyết định số 4050 và hủy Công văn số 1688. Buộc UBND TP. BMT phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho hộ ông B đối với các khoản: hỗ trợ đời sống sản xuất; bồi thường các tài sản, cây trồng gắn liền với đất được tạo lập sau ngày có quyết định thu hồi đất số 530; giao 01 thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.

Bác một phần yêu cầu đối với các khoản: Hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất; hỗ trợ 50% diện tích theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B đối với các khoản: Hỗ trợ đào

tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên ông B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Cần buộc UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 66; Điều 69; Điều 76; Điều 83; Điều 84; Điều 92; Điều 204 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ;

Áp dụng Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

- Hủy Công văn số: 1688/UBND-TTPTQĐ ngày 11/05/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc trả lời đơn của công dân ông Nguyễn Văn B.

- Hủy một phần quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B đối với hộ ông Nguyễn Văn B.

Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn Văn B đối với các khoản: hỗ trợ đời sống sản xuất; hỗ trợ, bồi thường các tài sản và cây trồng gắn liền với đất được tạo lập sau ngày có quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 UBND tỉnh Đ; giao 01 thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.

[2.2] Bác một phần yêu cầu của hộ ông Nguyễn Văn B đối với các khoản: Hỗ

trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất; hỗ trợ 50% diện tích theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

[2.3]. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đối với yêu cầu hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[3]. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003767 ngày 26/6/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Buộc UBND thành phố B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm và Chủ tịch UBND thành phố B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2023/HC-ST
Ngày: 27 - 9 - 2023
V/v: *Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hòa.

2. Ông Nguyễn Như Âm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Hoa –Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 và 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 120/2023/TLST-HC về việc “Kiện quyết định, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2023/QĐST-HC ngày 28/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 137/2023/QĐST-HC ngày 14/9/2023, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn B; địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T; địa chỉ: Số F, tổ L, buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt).

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Văn C – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Võ Quang H – Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; địa chỉ: C H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện người khởi kiện trình bày:

Ngày 18/6/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban Quyết định số 4050/QĐ- về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (viết tắt Quyết định số 4050) đối với diện tích đất 1.503,2 m², thửa đất số 139, tờ bản đồ số 17, tại Thôn A, xã H, có nguồn gốc ông Nguyễn Văn B nhận chuyển nhượng một phần diện tích của bà Phạm Thị M, nhận hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê với Nông trường cà phê Việt Đức vào năm 1990 (nay là Công ty C1) sau khi nhận chuyển nhượng ông B canh tác, sử dụng, làm nhà trên đất. Đến ngày 05/12/2007, ông B và Công ty C1 ký Hợp đồng giao khoán đất sản xuất trồng cà phê thời hạn đến năm 2010, nhiều lần ông B liên hệ các cơ quan đề nghị ký hợp đồng, nhưng không có cơ quan nào yêu cầu ông B tiếp tục ký hợp đồng, nên ông B sử dụng đất ổn định cho đến nay không tranh chấp với ai. Sau khi nhận QĐ 4050 ông không đồng ý nên khiếu nại.

Ngày 12/05/2023, ông B nhận được Công văn số 1688/UBND-TTPTQĐ ngày 11/05/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B, về việc trả lời đơn của ông B (viết tắt CV số 1688) với nội dung không đồng ý với khiếu nại của ông B. Do đó, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Tuyên hủy một phần QĐ số 4050 kèm theo Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Thôn A, xã H, thành phố B, đối với hộ ông B và H1 Công văn 1688.

- Buộc U phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông B, gồm:

1. Chi phí đầu tư vào đất còn lại 10%. Vì diện tích canh tác ổn định từ năm 1990 thì phải bồi thường giá trị diện tích đất thu hồi theo theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

2. Hỗ trợ 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định khi sử dụng đất trước ngày 15/10/1993.

3. Hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

5. Hỗ trợ đời sống và sản xuất.

6. Hỗ trợ khác, là đưa cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có QĐ số 530 từ năm 2009 đến năm 2021 để tính toán bồi thường cho hộ gia đình ông B.

7. Giao 1 suất tái định cư cho ông B.

Theo quy định tại Mục 2 khoản 2 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 9 và Mục 2, 3 khoản 9 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 23 Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày

19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Điều 16, Điều 17, Điều 18 Quyết định số: 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và tại M và Mục 3, 4 của Công văn số: 10997/UBND-NNMT ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xin rút các yêu cầu: Hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; thay đổi từ hỗ trợ 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định xuống hỗ trợ 50% khi sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011.

**** Ý kiến trình bày tại bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố B; người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố B:***

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND, ngày 06/03/2008 của UBND tỉnh Đ, về việc thu hồi 27,809ha đất của Công ty C1 tại xã H, thành phố B giao cho thành phố B quản lý;

Ngày 29/8/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5041/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư T, xã H, thành phố B; Quyết định số 7105/QĐ-UBND, ngày 27/11/2018 của UBND thành phố B về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B; Quyết định số 2533/QĐ-UBND, ngày 08/04/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, tổng mức đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B.

Ngày 01/11/2019, UBND thành phố B tổ chức họp thông báo chủ trương, chính sách của Nhà nước khi triển khai dự án để các hộ dân trong phạm vi thu hồi được biết và đề nghị các hộ phối hợp trong công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B.

Ngày 19/3/2020, UBND xã H phối hợp với UBNDTTQ xã H, BTQ thôn 1 xã H, chủ đầu tư và Trung tâm Phát triển Quỹ đất tổ chức đối thoại, vận động, thuyết phục các hộ dân phối hợp thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi.

Ngày 26/03/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố công khai Phương án số 87/PA-TTPTQĐ về việc hỗ trợ tài sản trên diện tích đất thu hồi thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B cho hộ ông Nguyễn Văn B, đồng thời niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã H và Hội trường thôn A, xã H thời gian 20 ngày.

Ngày 16/4/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố kết hợp với UBND xã, UBNDTTQVN xã H tổng hợp ý kiến phản hồi của người dân.

Thực hiện khoản 2 Điều 17 của Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Đ. Ngày 27/4/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp UBND xã H tổ chức họp giải thích, đối thoại với các trường hợp còn có ý kiến không đồng ý và thực hiện rà soát, hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo ý kiến đúng của người có đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi.

Ngày 18/6/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4050/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn B là là đúng trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn B:

** Nguồn gốc đất:*

Năm 2007, ông Nguyễn Văn B nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1) thời hạn hợp đồng 2010. Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý, trong đó có 10,1ha đất hiện nay UBND thành phố đang thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn A, xã H, thành phố B.

Diện tích thực tế hộ ông Nguyễn Văn B sử dụng là: 1.503,2m², diện tích đất thu hồi thực hiện dự án là 1.503,2m² đất trồng cây lâu năm.

** Về đất:*

Căn cứ Khoản 2, Điều 82, Luật Đất đai 2013: *Đất được Nhà nước giao để quản lý.* Do đó, diện tích đất nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1) thu hồi không đủ điều kiện bồi thường về đất.

** Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:*

Tại thời điểm năm 2008 UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty C1 thì thời hạn hợp đồng sử dụng đất vẫn còn giữa Công ty C1 với hộ ông Nguyễn Văn B (thời hạn sử dụng đất năm 2010). Tuy nhiên, sau khi có Quyết định thu hồi đất hộ ông Nguyễn Văn B vẫn sử dụng diện tích đất nhận khoán đến năm 2021 thì thời hạn hợp đồng sử dụng đất đã hết hạn, do đó hộ ông Nguyễn Văn B không đủ cơ sở xem xét bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại.

** Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:*

Căn cứ Điều 17 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ: *Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại các Điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống...*

Căn cứ khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP”: *Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản*

(không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.

Tại thời điểm UBND tỉnh Đ thu hồi đất (năm 2008) của Công ty C1 thì thời hạn sử dụng đất vẫn còn (thời hạn sử dụng đất năm 2010). Tuy nhiên, sau thời hạn sử dụng đất năm 2010 hộ ông Nguyễn Văn B vẫn còn canh tác và sử dụng đến năm 2021 trên diện tích đất nhận khoán nhưng không có hợp đồng, do đó hộ ông Nguyễn Văn B không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Do đó, ông Nguyễn Văn B không đủ điều kiện hỗ trợ ổn định đời sống.

** Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:*

Căn cứ Điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ: *Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP trong trường hợp được bồi thường bằng tiền do không có đất để bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm...*

Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn B không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Căn cứ biên bản xác minh nghề nghiệp của UBND xã H ngày 21/6/2021). Do đó, ông Nguyễn Văn B không đủ cơ sở xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

** Về hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất:*

Căn cứ điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND “Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo Điểm a, b Khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất”.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn B không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Căn cứ biên bản xác minh nghề nghiệp của UBND xã H ngày 21/6/2021). Do đó, ông Nguyễn Văn B không được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất.

** Về tài sản nhà, vật kiến trúc và cây trồng:*

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Luật đất đai 2013: Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì không được bồi thường.

Theo kết quả xác minh của UBND xã H tại Biên bản xác định thời điểm xây dựng ngày 22/01/2021 thì tài sản nhà, vật kiến trúc và cây trồng của hộ ông Nguyễn Văn B tạo lập sau ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-

UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý thì không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 của Luật tố tụng hành chính:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B:

- Hủy Công văn số 1688/UBND-TTPTQĐ ngày 11/05/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc trả lời đơn của công dân ông Nguyễn Văn B.

- Hủy một phần quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B đối với hộ ông Nguyễn Văn B. Buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phải phê duyệt bổ sung cho hộ ông B đối với các khoản: Hỗ trợ vật kiến trúc, cây trồng trên đất tạo lập sau ngày có Quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 của UBND tỉnh Đ, hỗ trợ tái định cư đối với hộ ông B.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông B đối với các khoản: Hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10%; hỗ trợ 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định khi sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011; hỗ trợ đời sống sản xuất.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông B về việc buộc UBND thành phố B hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, sự có mặt của các đương sự, về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính, thấy rằng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện của vụ án: Quyết định 4050 làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của hộ ông B, Công văn số 1688

có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ ông B và yêu cầu buộc người bị kiện phải bản hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung nên đều là đối tượng khởi kiện của vụ án theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 3 của luật tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 18/6/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4050, không đồng ý với Quyết định trên ngày 05/4/2023 ông B làm đơn kiến nghị gửi Chủ tịch UBND thành phố B. Đến ngày 11/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Công văn số 1688. Ngày 28/5/2023, ông B nộp đơn khởi kiện nên còn trong hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại các Điều 30; 32 và Điều 116 của Luật tố tụng Hành chính.

[1.3] Quan hệ tranh chấp được xác định là “Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

[1.4]. Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của người khởi kiện có mặt tại nhưng khi tuyên án có đơn xin vắng mặt, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại Điều 158 của Luật Tố tụng Hành chính.

[1.5] Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 4050 và Công văn số 1688. Thấy rằng: UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4050 và Chủ tịch Ủy ban hành Công Văn 1688 là đúng trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 66; Điều 69; Điều 204 Luật Đất đai 2013; Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc đất: Diện tích thực tế 1.503,2 m², thửa đất số 139, tờ bản đồ số 17, có nguồn gốc: Năm 2007, hộ ông B ký hợp đồng nhận giao khoán để sản xuất cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1), thời hạn hợp đồng đến năm 2010. Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại cho UBND thành phố BMT quản lý, trong đó có diện tích đất ông B nhận khoán. Do đó, đất có nguồn gốc rõ ràng.

[2.2] Xét yêu cầu hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất, thấy rằng: Gia đình ông B sử dụng đất giao khoán theo hợp đồng giao khoán năm 2007. Thời hạn hợp đồng đến năm 2010. Ngày 06/03/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số thu hồi đất số 530, trong đó có diện tích đất hộ ông B nhận khoán. Từ thời điểm có quyết định thu hồi đất đến khi ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 4050 (thời điểm năm 2021) thì hộ ông B vẫn đang sử dụng đất, thu hoa

lợi, lợi tức mà không phải giao nộp sản lượng cho Công ty C1 nên các chi phí đầu tư còn lại vào đất đến khi hết hạn hợp đồng giao khoán 2010 vẫn bảo đảm, không thiệt hại. Do đó, ông B cho rằng gia đình chưa thu hồi hết các khoản chi phí đã đầu tư vào đất theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

*[2.3] Xét yêu cầu hỗ trợ 50% diện tích theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định (hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất) do sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011, thấy rằng: Tại điểm 2 và điểm 3 khoản 9 Điều 1 của Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ quy định “2. Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai **mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này** thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất”*

Tại khoản 3 lại quy định “3. Hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp đang sử dụng đất do nhận giao khoán tại thời điểm thu hồi đất mà đang hưởng lương hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp nhưng trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp thì được hỗ trợ bằng tiền như sau: 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định”.

Xét thấy: Hộ ông B sử dụng đất có nguồn gốc nhận giao khoán của Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1) từ năm 2007, có hợp đồng giao khoán, thời hạn hợp đồng đến năm 2010. Căn cứ biên bản xác minh nghề nghiệp của UBND xã H lập ngày 21/6/2021 thể hiện ông Nguyễn Văn B không trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Quá trình tham gia tố tụng, tại biên bản làm việc ngày 28/8/2023 người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện mặc dù đã được giải thích và yêu cầu cung cấp thông tin hộ ông B có bao nhiêu thành viên và các thành viên làm nghề nghiệp gì để có căn cứ xem xét yêu cầu của người khởi kiện nhưng hết thời hạn không cung cấp, tài liệu chứng cứ hộ ông B có hay không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 hay khoản 3 Điều này. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của khởi kiện xác nhận ông B hiện đang là lãnh đạo tại một Công ty cà phê nhưng không cung cấp thông tin cụ thể. Hội đồng xét xử tạm dừng phiên Tòa để người khởi kiện cung cấp thông tin để xác định hộ ông B thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 hay khoản 3 nhưng hết thời hạn người khởi kiện không cung cấp nên được xem như từ bỏ quyền chứng minh. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu hỗ trợ 50% diện tích theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

[2.4] Xét yêu cầu hỗ trợ đời sống sản xuất, thấy: Tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định “2. Điều kiện để được

hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây: b. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông trường, lâm trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất”. Do đó, hộ ông B đủ điều kiện được hỗ trợ đời sống sản xuất.

[2.5] Đối với yêu cầu bồi thường các cây trồng gắn liền với đất tạo lập sau ngày có quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 UBND tỉnh Đ, thấy rằng: Mặc dù, năm 2008 UBND tỉnh Đ ban hành quyết định thu hồi đất của Công ty C1 và giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch. Tuy nhiên, tại thời điểm này UBND thành phố B chưa phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Đến ngày 01/11/2019 thì UBND thành phố B mới tổ chức họp thông báo, chủ trương, chính sách của Nhà nước khi triển khai dự án để các hộ dân trong phạm vi thu hồi được biết và đề nghị các hộ phối hợp trong công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện dự án. Ngoài ra, Quyết định thu hồi đất, thông báo thu hồi đất U không chứng minh được Công ty C1 đã thông báo, tổng đạt đến hộ ông B dẫn đến hộ ông B không biết việc đất bị thu hồi mà vẫn canh tác, tạo lập tài sản trên đất. Quá trình sử dụng đất, hộ ông B cũng không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Do đó các tài sản trên đất mà hộ ông B tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất đến trước khi có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 4050 (thời điểm năm 2021) phải được bồi thường, hỗ trợ theo quy định, việc UBND thành phố B không lập phương án bồi thường, hỗ trợ các tài sản, cây trồng tạo lập trên đất cho hộ ông B là không đúng quy định theo khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013, không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông B. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu này.

[2.6]. Đối với yêu cầu suất tái định cư, xét thấy: Tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-CP ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của UBND tỉnh Đ quy định về hỗ trợ tái định cư quy định “3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi thì được xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.”. Theo kết quả kiểm đếm hộ ông B xây nhà trên đất nhận khoán năm 2007 nhưng không bị cơ quan

chức năng xử phạt, Công ty C1 không phản đối. Ngoài ra, theo kết quả xác minh của Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk và Ủy ban nhân dân xã H cung cấp thể hiện ngoài căn nhà trên đất đã bị thu hồi, trên địa bàn thành phố B hộ Nguyễn Văn B không có đất ở, nhà ở nào khác. Như vậy, hộ ông Nguyễn Văn B đủ điều kiện để được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.

[2.7] Xét yêu cầu hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án ông B không cung cấp tài liệu, chứng cứ các thành viên trong hộ gia đình ông B có bao nhiêu thành viên trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất bị thu hồi bị ảnh hưởng về việc làm khi bị Nhà nước thu hồi đất. Tại Biên bản làm việc ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã H và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B xác nhận ông Nguyễn Văn B không trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập khác nên không đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là phù hợp với quy định tại Điều 84 Luật đất đai 2013; điểm d khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 19; khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị Định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết luật đất đai. Tại phiên tòa đại diện người khởi kiện xin rút yêu cầu nên cần đình chỉ là phù hợp.

[2.8] Xét yêu cầu hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định, thấy rằng: Quá trình tố tụng người khởi kiện xin rút yêu cầu trên nên cần đình chỉ là phù hợp.

[3] Từ những nhận định và phân tích nêu trên. Cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B về việc hủy một phần Quyết định số 4050 và hủy Công văn số 1688. Buộc UBND TP. BMT phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho hộ ông B đối với các khoản: hỗ trợ đời sống sản xuất; bồi thường các tài sản, cây trồng gắn liền với đất được tạo lập sau ngày có quyết định thu hồi đất số 530; giao 01 thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.

Bác một phần yêu cầu đối với các khoản: Hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất; hỗ trợ 50% diện tích theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B đối với các khoản: Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên ông B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Cần buộc UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 66; Điều 69; Điều 76; Điều 83; Điều 84; Điều 92; Điều 204 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ;

Áp dụng Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

- Hủy Công văn số: 1688/UBND-TTPTQĐ ngày 11/05/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc trả lời đơn của công dân ông Nguyễn Văn B.

- Hủy một phần quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B đối với hộ ông Nguyễn Văn B.

Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn Văn B đối với các khoản: hỗ trợ đời sống sản xuất; hỗ trợ, bồi thường các tài sản và cây trồng gắn liền với đất được tạo lập sau ngày có quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 UBND tỉnh Đ; giao 01 thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.

[2.2] Bác một phần yêu cầu của hộ ông Nguyễn Văn B đối với các khoản: Hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất; hỗ trợ 50% diện tích theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

[2.3]. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đối với yêu cầu hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[3]. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003767 ngày 26/6/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Buộc UBND thành phố B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm và Chủ tịch UBND thành phố B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền